TÊN_____

19 Câu hỏi ghép thẻ

1. ____ đền đáp cho xã hội
2. ____ (adj) bảo thủ, hẹp hòi
3. ____ (N) lĩnh vực
4. ____ (adj) may mắn, có phúc, tốt số (= lucky)
5. ____ (adj) tận tâm, cống hiến (=devoted)
6. ____ (V) phù hợp với ai
7. ____ với hi vọng rằng
8. ____ thử làm việc gì
9. ____ (adj) ngu dốt, thiếu hiểu biết
10. ____ cân bằng
11. ____ như một cách để làm gì
12. ____ làm không lương
13. ____ bỏ ra 1 chút thời gian của bạn

A. gain some valuable skills

B. choose to do something

C. ignorant

D. field

E. personal benefit

F. work for free

G. in most cases

H. narrow-minded

I. balance the scales

J. fortunate

K. practical

L. in the hope that

M. professional

N. try out something

O. as a way of doing something

P. put in a little of your time

Q. dedicated

R. give back to society

S. suit somebody

LIVEWORKSHEETS

14. _____ lợi ích cá nhân

15. _____ có thêm được những kĩ năng có giá trị

16. _____ (adj) thực tế, thực tiễn

17. _____ chọn làm việc gì

18. _____ trong hầu hết trường hợp

19. _____ (adj) về nghề nghiệp

Xem đáp án

LIVEWORKSHEETS